

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### 2. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

#### Hội đồng quản trị

	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Lưu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bảo	Thành viên
Ông Bùi Kim Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Mạnh	Thành viên

#### Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Giám đốc
Ông Phan Cao Hiệp	Phó Giám đốc

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại đường số 204 đường Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, hoạt động chính của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Mua bán thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.
- Sản xuất, mua bán nước uống tinh khiết.

3204  
CÔNG  
HÀNH  
TOÁN V  
HÍNH K  
P. HỒ

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

**9. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**TRẦN THANH LƯU**  
**CHỦ TỊCH**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009



Công ty Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Kế toán (AFC)

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh  
Cao ốc Indochina Park Tower  
4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (08) 2200237  
Fax: (08) 2200265  
Email: bdoafc.hcmc@bdoafc.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

Số: 00195.HCM/211.08

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008  
của Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 04 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**BUI TUYẾT VÂN**  
**GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ KIỂM TOÁN**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

**PHAN THỊ BÍCH CHÂU**  
**KIỂM TOÁN VIÊN**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0081/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.226.927.905</b>	<b>22.693.627.725</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.553.896.181</b>	<b>9.258.012.939</b>
Tiền	111	5.1	5.553.896.181	9.258.012.939
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.548.240.695</b>	<b>5.867.467.114</b>
Phải thu khách hàng	131		7.227.553.582	4.920.810.385
Trả trước cho người bán	132		216.747.566	619.295.284
Phải thu nội bộ	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		134.243.047	327.361.445
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5.2	(30.303.500)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>7.388.215.435</b>	<b>5.604.482.865</b>
Hàng tồn kho	141		7.388.215.435	5.604.482.865
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>736.575.594</b>	<b>1.963.664.807</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		736.575.594	1.808.213.095
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	155.451.712
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.017.426.787</b>	<b>21.452.076.416</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.293.505.771</b>	<b>10.857.149.862</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	5.4	<b>9.217.938.740</b>	<b>10.739.013.431</b>
Nguyên giá	222		28.207.786.152	27.723.178.167
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.989.847.412)	(16.984.164.736)
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	5.5	<b>75.567.031</b>	<b>118.136.431</b>
Nguyên giá	228		127.708.107	127.708.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.141.076)	(9.571.676)
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	5.6	<b>1.709.536.563</b>	<b>2.084.926.554</b>
Nguyên giá	241		4.055.534.343	4.055.534.343
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.345.997.780)	(1.970.607.789)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.7	<b>11.737.500.000</b>	<b>8.510.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000	510.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		11.227.500.000	8.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.276.884.453</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.276.884.453	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45.244.354.692</b>	<b>44.145.704.141</b>

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.780.171.475</b>	<b>12.413.696.211</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.770.171.475</b>	<b>12.403.696.211</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	10.000.000.000	11.000.000.000
Phải trả người bán	312		3.255.945.852	1.014.928.800
Người mua trả tiền trước	313		429.908.467	347.196.638
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	31.802.179	-
Phải trả người lao động	315		-	11.799.230
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.11	52.514.977	29.771.543
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.12	10.000.000	10.000.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>31.464.183.217</b>	<b>31.732.007.930</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13	<b>31.614.585.860</b>	<b>31.760.279.247</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.047.752.090	638.783.815
Quỹ dự phòng tài chính	418		125.730.251	76.654.058
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.441.103.519	2.044.841.374
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(150.402.643)</b>	<b>(28.271.317)</b>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(150.402.643)	(28.271.317)
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45.244.354.692</b>	<b>44.145.704.141</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HOÀ**

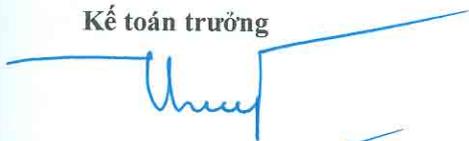
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại (USD)	5.1	265.352,06	286.306,80
Dự toán chi hoạt động, dự án			

**Kế toán trưởng**



**LÊ THỊ NGỌC THỦY**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

**Giám đốc**



**NGUYỄN VĂN THÀNH**

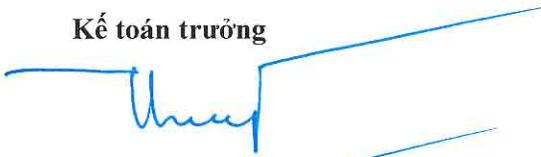
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>6.1</b>	<b>68.168.488.224</b>	<b>59.870.993.492</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	2	6.2	4.054.430	134.535.190
<b>Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>68.164.433.794</b>	<b>59.736.458.302</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.3	56.080.716.970	48.481.301.965
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>20</b>		<b>12.083.716.824</b>	<b>11.255.156.337</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	2.334.690.448	622.121.666
Chi phí tài chính	22	6.5	629.152.542	169.434.699
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	6.6	3.215.709.498	2.483.309.891
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	8.274.190.127	7.562.038.180
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.299.355.105</b>	<b>1.662.495.233</b>
Thu nhập khác	31	6.8	229.368.153	689.199.202
Chi phí khác	32	6.9	761.188.291	306.853.061
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(531.820.138)</b>	<b>382.346.141</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.767.534.967</b>	<b>2.044.841.374</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		326.431.448	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.441.103.519</b>	<b>2.044.841.374</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>497</b>	<b>705</b>

Kế toán trưởng



LÊ THỊ NGỌC THỦY

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

Giám đốc



NGUYỄN VĂN THÀNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>1.767.534.967</b>	<b>2.044.841.374</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ	02	2.423.642.067	2.150.349.471
- Các khoản dự phòng	03	30.303.500	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(75.312.291)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(379.537.772)	(452.686.967)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>3.766.630.471</b>	<b>3.742.503.878</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(483.987.868)	(523.859.207)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(1.783.732.570)	635.037.167
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	1.991.098.175	(7.672.116.146)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.276.884.453)	37.480.064
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(36.211.099)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(122.131.326)	(178.938.328)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.054.781.330</b>	<b>(3.959.892.572)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(484.607.985)	(726.591.107)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	16.818.182	-
- Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các ĐV khác	24	-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.227.500.000)	(7.900.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	362.719.590	452.686.967
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.332.570.213)</b>	<b>(8.173.904.140)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
- Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33	-	11.000.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	-
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.590.124.114)	(2.392.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.590.124.114)</b>	<b>8.607.500.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(3.867.912.997)</b>	<b>(3.526.296.712)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>9.258.012.939</b>	<b>12.784.309.651</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(117.550.867)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.272.549.075</b>	<b>9.258.012.939</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng



LÊ THỊ NGỌC THỦY



NGUYỄN VĂN THÀNH

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Mua bán thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.
- Sản xuất, mua bán nước uống tinh khiết.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 755 người, trong đó số nhân viên quản lý là 99 người.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là Việt Nam đồng (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ sách kế toán: nhật ký chung.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài Việt Nam đồng (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang Việt Nam đồng theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

### 4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hoạch toán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên.

### 4.4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<b>Loại tài sản cố định:</b>	<b>Thời gian (năm)</b>
<b><i>Tài sản cố định hữu hình</i></b>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải	06 – 07
Dụng cụ quản lý	03 – 06
<b><i>Tài sản cố định vô hình</i></b>	
Phần mềm máy tính	03
<b><i>Bất động sản đầu tư</i></b>	
Nhà cửa	03 - 10

**4.5 Khoản phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

**4.6 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí các công cụ dụng cụ, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web. Chi phí trả trước dài hạn được dần trong thời gian từ 2 đến 5 năm kể từ khi phát sinh.

**4.8 Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi xác định tương đối chắc chắn, phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua và người mua đã chấp nhận thanh toán. Doanh thu sẽ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến khả năng hàng bán bị trả lại.

**4.9 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí chênh lệch tỷ giá. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm) trong 10 (mười) năm đầu (kể từ 07 tháng 02 năm 2006).

Công ty được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 5 (năm) năm tiếp theo.

**4.11 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	530.871.541	380.547.540
Tiền gửi ngân hàng	5.023.024.640	8.877.465.399
	<b><u>5.553.896.181</u></b>	<b><u>9.258.012.939</u></b>
Chi tiết tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2008	-	-
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam (VND)		518.142.717
Đồng Đô la Mỹ (USD)	265.352,06 #	4.504.881.923
		<u>5.023.024.640</u>

**5.2 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết bị Điện An Phú		
• Số dư nợ phải thu	30.303.500	-
• Tỷ lệ lập dự phòng	100 %	-
• Dự phòng phải thu khó đòi	<b><u>30.303.500</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Nguyên vật liệu	6.609.005.956	4.096.986.741
Công cụ, dụng cụ	645.153.723	666.177.846
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	244.256.353
Thành phẩm	134.055.756	597.061.925
	<b><u>7.388.215.435</u></b>	<b><u>5.604.482.865</u></b>

**5.4 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2008	18.654.058.349	4.905.787.712	2.151.182.011	2.012.150.095	27.723.178.167
Mua trong năm	-	386.931.530	-	333.220.767	720.152.297
Thanh lý	-	(142.510.912)	-	(93.033.400)	(235.544.312)
<b>Số dư 31/12/2008</b>	<b><u>18.654.058.349</u></b>	<b><u>5.150.208.330</u></b>	<b><u>2.151.182.011</u></b>	<b><u>2.252.337.462</u></b>	<b><u>28.207.786.152</u></b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2008	10.022.031.284	3.866.927.180	1.412.449.887	1.682.756.385	16.984.164.736
Khấu hao trong năm	1.508.227.316	305.183.653	217.775.300	210.040.719	2.241.226.988
Giảm khác	-	(142.510.912)	-	(93.033.400)	(235.544.312)
<b>Số dư 31/12/2008</b>	<b><u>11.530.258.600</u></b>	<b><u>4.029.599.921</u></b>	<b><u>1.630.225.187</u></b>	<b><u>1.799.763.704</u></b>	<b><u>18.989.847.412</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2008	8.632.027.065	1.038.860.532	738.732.124	329.393.710	10.739.013.431
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b><u>7.123.799.749</u></b>	<b><u>1.120.608.409</u></b>	<b><u>520.956.824</u></b>	<b><u>452.573.758</u></b>	<b><u>9.217.938.740</u></b>
Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng					
Gồm:	47.120.125	3.025.340.781	381.679.170	1.054.247.805	4.508.387.881

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.5 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND</b>	<b>Phần mềm quản lý vật tư VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư 01/01/2008	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Tăng trong năm	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2008</b>	<b>108.436.107</b>	<b>19.272.000</b>	<b>127.708.107</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số dư 01/01/2008	9.036.343	535.333	9.571.676
Khấu hao	36.145.400	6.424.000	42.569.400
<b>Số dư 31/12/2008</b>	<b>45.181.743</b>	<b>6.959.333</b>	<b>52.141.076</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2008	99.399.764	18.736.667	118.136.431
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>63.254.364</b>	<b>12.312.667</b>	<b>75.567.031</b>

**5.6 Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	<b>Bất động sản đầu tư VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư 01/01/2008	4.055.534.343
Mua trong năm	-
<b>Số dư 31/12/2008</b>	<b>4.055.534.343</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số dư 01/01/2008	1.970.607.789
Khấu hao trong năm	375.389.991
<b>Số dư 31/12/2008</b>	<b>2.345.997.780</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2008	2.084.926.554
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>1.709.536.563</b>

**5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2008 VND</b>	<b>01/01/2008 VND</b>
Đầu tư vào công ty con	510.000.000	510.000.000
Đầu tư dài hạn khác	11.227.500.000	8.000.000.000
	<b>11.737.500.000</b>	<b>8.510.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

## Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Bên nhận đầu tư	Cơ sở pháp lý	Chức năng kinh doanh	Tổng dự án đầu tư	Vốn góp đầu tư VND	Tỷ lệ góp vốn
Công ty cổ phần TM-DV Bình Minh	GP ĐKKD số 4103001194 ngày	Gia công, sản xuất, mua bán linh kiện điện tử. Kinh doanh nhà ở. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. Dịch vụ tư vấn, môi giới xúc tiến thương mại. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý ký gửi hàng hóa.	5.000.000.000	510.000.000	10,2%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ mới	Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 30/HĐ HTKD ngày 07 tháng 12 năm 2007	Xây dựng cụm Chung cư 18 tầng tại Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	25.050.000.000	11.227.500.000	45%
				<b>11.737.500.000</b>	

**5.8 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Công cụ, dụng cụ	145.510.453	-
Phí duy trì mail offline	24.300.000	-
Phí lưu trữ trang web	5.022.000	-
Phí duy trì tên miền	2.052.000	-
Chi phí lãi vay	1.100.000.000	-
	<b>1.276.884.453</b>	<b>-</b>

Chi phí lãi vay của các hợp đồng vay vốn Tổng công ty cổ phần điện tử tin học Việt Nam nhằm đầu tư xây dựng khu chung cư cao cấp tại phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Chi phí lãi vay này sẽ được phân bổ khi dự án hoàn thành và hoạt động.

**5.9 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vay ngắn hạn	10.000.000.000	11.000.000.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

Vay ngắn hạn – Tổng công ty cổ phần điện tử tin học Việt Nam:

Hợp đồng vay vốn	Dư Nợ vay đến 31/12/2008 VND	Thời hạn vay	Lãi suất
Hợp đồng không số ngày 24 tháng 9 năm 2007	5.000.000.000	10 tháng	10%/năm
Hợp đồng số 02HĐ/VEIC-BH ngày 25 tháng 10 năm 2007	5.000.000.000	12 tháng	Lãi suất bình quân giữa tiền vay- tiền gửi kỳ hạn 06 tháng – Ngân hàng Eximbank

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	518.182	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.393.997	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.890.000	-
	<b>31.802.179</b>	<b>-</b>

**5.11 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Ban quản lý dự án DSM/EE	31.669.455	-
Công ty cổ phần Cơ điện lạnh Trương và LD	1.550.000	-
Tổng Công ty Điện tử tin học Việt Nam	19.285.572	19.285.572
Phải trả khác	9.950	10.485.971
	<b>52.514.977</b>	<b>29.771.543</b>

**5.12 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Ký quỹ	10.000.000	10.000.000
	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>

**5.13 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2007	29.000.000.000	-	-	3.193.919.076	32.193.919.076
• Tăng vốn trong năm trước	-	638.783.815	76.654.058	-	715.437.873
• Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	2.044.841.374	2.044.841.374
• Giảm khác	-	-	-	3.193.919.076	3.193.919.076
<b>Số dư 31/12/2007</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>638.783.815</b>	<b>76.654.058</b>	<b>2.044.841.374</b>	<b>31.760.279.247</b>
Số dư 01/01/2008	29.000.000.000	638.783.815	76.654.058	2.044.841.374	31.760.279.247
• Tăng vốn trong năm nay	-	408.968.275	49.076.193	-	458.044.468
• Lợi nhuận tăng năm nay	-	-	-	1.441.103.519	1.441.103.519
• Giảm khác	-	-	-	2.044.841.374	2.044.841.374
<b>Số dư 31/12/2008</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>1.047.752.090</b>	<b>125.730.251</b>	<b>1.441.103.519</b>	<b>31.614.585.860</b>

**5.13.1. Vốn chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 8 năm 2007 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 29.000.000.000 VND.

	Giấy đăng ký kinh doanh VND	Vốn góp thực tế đến 31/12/2008 VND	Tỷ lệ góp vốn %
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	14.790.000.000	14.790.000.000	51%
Cô đồng khác	14.210.000.000	14.210.000.000	49%
	<b>29.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.13.2. Cổ phiếu**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>2.900.000</b>	<b>2.900.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.421.000</b>	<b>1.421.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.421.000	1.421.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.900.000</b>	<b>2.900.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức ở Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 12 năm 2006, mã số giao dịch: VBH.

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu trong nước	19.209.751.158	7.070.338.603
Doanh thu xuất khẩu	45.062.703.334	49.445.965.540
Doanh thu bán vật tư	1.379.383.401	1.523.763.430
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.991.990.175	1.830.925.919
Doanh thu bán phế liệu	524.660.156	-
	<b><u>68.168.488.224</u></b>	<b><u>59.870.993.492</u></b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Hàng bán trả lại	-	28.400.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.054.430	106.135.190
	<b><u>4.054.430</u></b>	<b><u>134.535.190</u></b>

**6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm	54.610.814.790	47.255.260.508
Giá vốn vật tư	823.416.880	839.808.857
Giá vốn kinh doanh bất động sản	380.811.300	386.232.600
Giá vốn phế liệu	265.674.000	-
	<b><u>56.080.716.970</u></b>	<b><u>48.481.301.965</u></b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	141.719.590	167.488.710
Cổ tức lợi nhuận được chia	153.000.000	81.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	1.659.903.528	373.032.956
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	380.067.330	-
	<b><u>2.334.690.448</u></b>	<b><u>622.121.666</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	VND	VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá thanh toán	324.397.503	169.434.699
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	304.755.039	-
	<b>629.152.542</b>	<b>169.434.699</b>

**6.6 Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	VND	VND
Chi phí vật liệu bao bì	2.420.747.120	1.680.217.401
Chi phí xuất hàng	680.800.652	695.257.170
Chi phí quảng cáo	106.528.726	-
Chi phí bằng tiền khác	7.633.000	107.835.320
	<b>3.215.709.498</b>	<b>2.483.309.891</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.179.917.532	3.124.487.579
Chi phí dụng cụ văn phòng	739.382.332	426.239.401
Chi phí khấu hao	620.186.369	637.005.862
Thuê, phí và lệ phí	1.370.515.968	1.538.490.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	184.126.364	909.096.022
Chi phí khác	1.180.061.562	926.719.048
	<b>8.274.190.127</b>	<b>7.562.038.180</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản	16.818.182	128.392.894
Thu tiền bán phế liệu	-	560.806.308
Kết chuyển nợ không ai đòi	10.485.971	-
Thu hoàn thuế nhập khẩu	113.094.000	-
Thu khác	88.970.000	-
	<b>229.368.153</b>	<b>689.199.202</b>

**6.9 Chi phí khác**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	VND	VND
Chi phí thu gom phế liệu	-	166.714.500
Chi đền bù, tiền phạt	22.610.130	42.938.561
Chi thù lao Hội đồng quản trị	97.200.000	97.200.000
Tiền phạt thuế	321.059.851	-
Chi phí khấu hao	320.318.310	-
	<b>761.188.291</b>	<b>306.853.061</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	20.614.598.552	16.482.256.440
Chi phí nhân công	23.356.067.348	19.842.862.659
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.343.291.709	1.127.111.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.771.121.488	3.723.505.486
Chi phí khác bằng tiền	6.089.568.481	6.061.903.278
	<b>54.174.647.578</b>	<b>47.237.638.872</b>

**6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.767.534.967	2.044.841.374
Điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận		
Thu nhập không chịu thuế TNDN	(221.000.000)	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(75.312.291)	-
Chi phí không được khấu trừ	412.133.351	-
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>1.883.356.027</b>	<b>2.044.841.374</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20% x 50%	Miễn
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính</b>	<b>188.335.603</b>	-
Chi phí thuế TNDN bổ sung năm 2003, năm 2005	138.095.845	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>326.431.448</b>	-

**7. THÔNG TIN KHÁC****Các bên liên quan:**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty điện tử tin học Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Bình Minh	Công ty con

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Công ty	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	Trả lãi vay	1.100.000.000
Công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Cho thuê nhà	222.319.292
	Gia công hàng hóa	3.392.265.927

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

<b>Công ty</b>	<b>Nghiệp vụ</b>	<b>Phải trả VND</b>
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	Phải trả chi phí bàn giao Công ty	19.285.572
	Nhà nước sang Công ty Cổ phần	
	Vay ngắn hạn	10.000.000.000



*Handwritten signature in blue ink*

**NGUYỄN VĂN THÀNH**  
**GIÁM ĐỐC**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

*Handwritten signature in blue ink*

**LÊ THỊ NGỌC THỦY**  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**